

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
kèm theo
BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (024) 3974 5081/82 Fax: (024) 3974 5083
Hà Nội, tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	07 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</i>	12 - 13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>	14 - 55



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC ("gọi tắt là Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102683813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/12/2009, đăng ký thay đổi lần 33 ngày 19/03/2020. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 7.099.978.070.000 đồng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 7.099.978.070.000 đồng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản; Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật quản lý dự án, công trình; Hoạt động kinh doanh hàng hóa, vật liệu xây dựng; Hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, nghỉ dưỡng, sân golf; Hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại; Dịch vụ vận tải hành khách hàng không, vận tải hàng hóa hàng không; Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 29, tòa nhà Bamboo Airways, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|---------------------------|--|
| - Ông Trịnh Văn Quyết | Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Lê Thành Vinh | Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/07/2020) |
| - Bà Hương Trần Kiều Dung | Phó Chủ tịch thường trực HĐQT |
| - Ông Lã Quý Hiển | Thành viên HĐQT |
| - Bà Bùi Hải Huyền | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/06/2020) |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|---------------------------|--|
| - Bà Bùi Hải Huyền | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/03/2020) |
| - Bà Hương Trần Kiều Dung | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19/03/2020) |
| - Bà Đàm Ngọc Bích | Phó Tổng Giám đốc thường trực |
| - Bà Trần Thị My Lan | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/05/2020) |
| - Ông Trần Thế Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Đặng Tất Thắng | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Vũ Đặng Hải Yến | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Võ Thị Thùy Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Lã Quý Hiển | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Lê Thị Trúc Quỳnh | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/08/2020) |
| - Bà Đặng Thị Lưu Vân | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/07/2020) |
| - Ông Đỗ Như Tuấn | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/01/2020) |

332
CỘNG HÒA
HÀNH
KẾ
H
NG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bà Nguyễn Bình Phương Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/01/2020)
- Ông Nguyễn Thiện Phú Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/01/2020)

Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Chí Cương Trưởng ban
- Ông Phạm Anh Dũng Thành viên
- Ông Nguyễn Đăng Vụ Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 18/03/2020 là bà Hương Trần Kiều Dung; từ ngày 19/03/2020 đến ngày 30/06/2020 và tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là bà Bùi Hải Huyền.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai các biện pháp quyết liệt nhằm giảm thiểu tác động của dịch bệnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

T
H
Á
C
Á
C
C
H
I
E
U
K
I
E
M
T
O
A
N
V
I
E
N
D
Ộ

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Thay mặt:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC



Tổng Giám đốc

Bùi Hải Huyền

HA
VA



Số:.....136...../BCSX/BCTC/CPA HANOI

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/08/2020 từ trang 07 đến trang 55, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác liên quan đến thông tin so sánh

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ngày 09/04/2020 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ lập ngày 29/08/2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA

HÀ NỘI)

Phó Tổng Giám Đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CNDKHNKT số: 1695-2018-016-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.650.966.933.154	17.587.173.376.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	447.508.434.904	632.957.166.380
1. Tiền	111		434.825.829.475	55.145.510.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.682.605.429	577.811.656.191
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.176.800.008.081	187.890.257.146
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.4.1	3.109.618.355.352	174.754.839.646
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.4.1	(27.018.325.353)	(1.794.649.646)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		94.199.978.082	14.930.067.146
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.613.718.893.998	14.207.866.179.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.899.253.728.606	3.974.065.796.856
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.792.827.054.428	1.859.238.278.468
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V5.1	4.248.386.812.562	4.984.350.878.802
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	3.739.034.202.749	3.450.997.944.800
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(65.810.659.067)	(64.949.728.714)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		27.754.720	4.163.009.774
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	3.488.276.098.829	1.581.702.102.849
1. Hàng tồn kho	141		3.488.621.240.167	1.582.130.936.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(345.141.338)	(428.833.291)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		924.663.497.342	976.757.669.969
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14.1	896.575.860.775	950.310.514.163
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.257.627.729	22.568.566.020
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	153	V.17.2	3.830.008.838	3.878.589.786
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.365.667.604.405	14.425.540.763.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.092.044.590	1.754.005.720.798
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.2	234.574.481.164	227.828.481.164
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	1.765.517.563.426	1.526.177.239.634
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.865.127.562.510	2.897.138.016.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.757.378.637.876	2.794.110.573.158
- Nguyên giá	222		3.649.777.910.042	3.637.754.935.680
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(892.399.272.166)	(843.644.362.522)

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 55 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	79.954.665.433	86.322.120.528
- Nguyên giá	225		128.039.511.961	127.676.864.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(48.084.846.528)	(41.354.744.160)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	27.794.259.201	16.705.322.931
- Nguyên giá	228		39.237.155.360	23.522.612.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.442.896.159)	(6.817.289.424)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	1.329.759.325.479	1.353.474.142.042
- Nguyên giá	231		4.073.823.389.362	4.073.823.389.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.744.064.063.883)	(2.720.349.247.320)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	3.630.033.851.660	5.446.989.943.105
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.630.033.851.660	5.446.989.943.105
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.2	1.385.511.644.506	1.943.908.999.536
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		774.820.494.506	774.043.699.536
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		804.224.864.679	1.367.790.864.679
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(193.533.714.679)	(197.925.564.679)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.155.143.175.660	1.030.023.941.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14.2	1.047.150.567.715	911.370.979.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.868.099.677	14.868.099.677
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	93.124.508.268	103.784.863.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.016.634.537.559	32.012.714.140.277



(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 55 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.695.847.355.038	20.367.869.215.059
I. Nợ ngắn hạn	310		18.808.431.135.759	15.377.170.548.735
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	4.351.654.485.306	2.620.287.371.022
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.633.735.306.255	4.281.305.465.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.1	434.043.196.235	417.456.060.489
4. Phải trả người lao động	314		64.072.920.960	73.532.750.670
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.958.685.920.539	1.431.206.892.821
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.1	442.967.923.125	603.457.063.258
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20.1	3.315.272.693.554	2.738.625.711.798
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21.1	3.566.761.626.458	3.169.602.613.141
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.237.063.327	41.696.620.327
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.887.416.219.279	4.990.698.666.324
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19.2	64.594.552.473	65.411.871.300
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20.2	1.950.279.492.479	1.590.036.323.782
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21.2	2.531.963.044.640	3.293.915.720.391
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		984.750.851	984.750.851
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		339.594.378.836	40.350.000.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.320.787.182.521	11.644.844.925.218
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	10.320.787.182.521	11.644.844.925.218
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7.099.978.070.000	7.099.978.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.099.978.070.000	7.099.978.070.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 55 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P.
Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	335.247.960.524	335.247.960.524
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	118.623.112	118.623.112
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	204.948.551.553	1.787.062.702.518
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	1.787.062.702.518	1.485.511.301.196
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(1.582.114.150.965)	301.551.401.322
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	2.680.493.977.332	2.422.437.569.064
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	34.016.634.537.559	32.012.714.140.277

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ba

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Hải Huyền

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 55 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	6	7	
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.490.091.700.900	6.280.277.670.887
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	135.477.453	59.570.018.841
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		6.489.956.223.447	6.220.707.652.046
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	8.739.405.484.021	6.251.927.868.706
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(2.249.449.260.574)	(31.220.216.660)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	453.641.364.933	1.127.568.913.559
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	514.758.231.274	299.797.590.300
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		253.563.719.814	259.732.092.145
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		776.794.970	374.352.079
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.8.1	178.364.377.142	287.341.996.121
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.2	297.548.179.979	354.530.063.136
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.785.701.889.066)	155.053.399.421
12.	Thu nhập khác	31	VI.6	8.362.819.722	56.804.417.070
13.	Chi phí khác	32	VI.7	8.923.708.492	43.193.304.131
14.	Lợi nhuận khác	40		(560.888.770)	13.611.112.939
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.786.262.777.836)	168.664.512.360
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.881.364.861	142.356.910.333
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	2.231.007.147
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.790.144.142.697)	24.076.594.880
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.582.114.150.965)	41.355.052.644
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.208.029.991.732)	(17.278.457.764)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	(2.228)	61
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	(2.228)	42

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ba

Tổng Giám đốc



Bùi Hải Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy,
P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.786.262.777.836)	168.664.512.360
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	84.831.944.150	40.007.913.889
- Các khoản dự phòng	03	21.609.064.107	17.882.732.789
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.115.359.943	2.868.288.184
- (Lãi,) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(239.824.317.161)	(1.116.787.202.589)
- Chi phí lãi vay	06	253.563.719.814	259.732.092.145
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.664.967.006.983)	(627.631.663.222)
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	561.895.780.015	883.344.061.983
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(232.824.930.796)	187.833.683.828
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.888.755.940.152	1.637.522.683.025
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(176.974.703.906)	(649.529.931.763)
- (Tăng), giảm chứng khoán kinh doanh	13	129.886.324.294	(190.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(206.159.134.321)	(227.800.454.345)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.807.656.694)	(25.946.498.411)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	6.660.475.997	9.471.924.161
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.121.813.201)	(1.863.389.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.299.343.274.557	1.185.400.225.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(684.954.182.553)	(1.636.311.405.224)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.102.223.825.888)	(3.788.322.550.131)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.821.382.131.017	2.872.274.192.594
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.575.916.000.000)	(950.500.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	188.704.000.000	631.532.579.224
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	242.887.435.662	153.528.988.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.110.120.441.762)	(1.768.248.694.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	14.679.400.000	-
- Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền thu từ đi vay	33	2.629.297.153.410	2.253.595.525.653
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.010.388.262.040)	(1.567.868.185.246)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.259.855.641)	(11.255.016.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(374.671.564.271)	674.472.324.407
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(185.448.731.476)	91.623.854.992

(Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 55 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	632.957.166.380	334.136.492.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	447.508.434.904	425.760.347.888

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ba

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Trưởng Giám đốc



Bùi Hải Huyền



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102683813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 19/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 7.099.978.070.000 đồng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 : 7.099.978.070.000 đồng

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 29 tòa nhà Bamboo Airways, số 265 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; Dịch vụ sân giao dịch bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản; Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật quản lý dự án, công trình; Hoạt động kinh doanh hàng hóa, vật liệu xây dựng; Hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, nghỉ dưỡng, sân golf; Hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại; Dịch vụ vận tải hàng khách hàng không, vận tải hàng hóa hàng không; Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
1. Công ty TNHH MTV FLC Land	Tầng 5 Tòa nhà FLC Land Mark Tower, Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2. Công ty TNHH FLC SamSon Golf & Resort	FLC Sầm Sơn Golf Links, Hồ Xuân Hương, P. Quảng Cư, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3. Công ty TNHH MTV Quản lý Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng FLC	Phòng 10, tầng 10, Tòa nhà Văn phòng Gelex, 52 Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
4. Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội	418 Quang Trung, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	99,40%	99,40%	99,40%	99,40%
5. Công ty Cổ phần FLC Quy Nhơn Golf & Resort	Khu số 4, Khu Du lịch biển Nhơn Lý-Cát Tiến, xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Alaska	Tầng 1 Tòa nhà HH3, KĐT Chúc năng Đại Mỹ, P. Đại Mỹ, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	93,49%	93,49%	93,49%	93,49%
7. Công ty TNHH BOT Khai thác Quản lý bãi biển FLC Sầm Sơn	FLC Sầm Sơn Golf Links, đường Thanh Niên, P. Quảng Cư, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8. Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Tòa nhà Ion Complex	36 Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	98,91%	98,91%	98,91%	98,91%
9. Công ty Cổ phần Nước giải khát FLC	Khu số 4, Khu Du lịch biển Nhơn Lý-Cát Tiến, xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	98,91%	98,91%	98,91%	98,91%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

10.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển FLC Hạ Long	FLC Hạ Long, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
11.	Công ty TNHH Đồ Sơn Golf & Resort	Khu 2, P. Vạn Hương, Q. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
12.	Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	Khu số 4, Khu Du lịch biển Nhon Lý-Cát Tiến, xã Nhon Lý, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	52,35%	52,35%	52,11%	52,11%
13.	Công ty Cổ phần Du lịch và Sự kiện FLC	41 Nguyễn Thượng Hiền, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	98,00%	98,00%	98,00%	98,00%
14.	Công ty TNHH Vàng bạc Đá quý FLC	Tháp đôi FLC, 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
15.	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Quản lý Khu công nghiệp FLC	Tháp đôi FLC, 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
16.	Công ty TNHH FLC Quảng Bình Golf & Resort	Thôn Tân Hải, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ lập ngày 20/08/2020 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Công ty liên kết:

1.	Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Nhân lực Quốc tế FLC		47,00%	47,00%	47,00%	47,00%
2.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hàng không Sao Mai		33,99%	33,99%	33,99%	33,99%

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	86 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

083:
CỘNG HÒA MIỀN BẮC VIỆT NAM
KẾT HẠ
MA

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phân loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

TY
HỮU
AN
AN
ĐI
TP.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng hóa bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị của hàng tồn kho bao gồm:

Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;

Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;

Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan trực tiếp đến công tác xây dựng.

Giá trị thuần có thể được thực hiện là giá trị bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	03 - 05	năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

- Tài sản vô hình	03 - 50	năm
- Sân golf	49 - 50	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được đổi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.



Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

01/07
TRÁC
KIỂM
2/1/

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

e. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

22. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/nhận góp vốn;

Đối với nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

26. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

27. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: đồng

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.218.856.660	7.477.916.304
Tiền gửi ngân hàng	428.303.472.815	47.625.593.885
Tiền đang chuyển	303.500.000	42.000.000
Các khoản tương đương tiền	12.682.605.429	577.811.656.191
Cộng	447.508.434.904	632.957.166.380

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1. Ngắn hạn	3.872.742.339.974	3.894.503.184.939
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ITH	338.062.795.884	319.545.536.794
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	-	432.572.767.266
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	30.814.752.672	524.864.036.036
Các đối tượng khác	3.503.864.791.418	2.617.520.844.843
2.2. Dài hạn	-	-
2.3. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	26.511.388.632	79.562.611.917
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	11.745.346.386	79.529.721.917
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHomes	-	32.890.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Sân Golf Biscom tại tỉnh Bình Định	14.766.042.246	-
Cộng	3.899.253.728.606	3.974.065.796.856

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1. Ngắn hạn	1.222.595.029.594	1.439.115.148.469
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam	234.892.759.955	236.508.247.883
Ủy ban Nhân dân Thị xã Sầm Sơn	92.534.424.922	92.534.424.922
Trung tâm Phát triển Quý đất Thành phố Hạ Long	181.841.862.000	177.733.976.000
Các đối tượng khác	713.325.982.717	932.338.499.664
3.2. Dài hạn	-	-
3.3. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	570.232.024.834	420.123.129.999
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	570.232.024.834	420.123.129.999
Cộng	1.792.827.054.428	1.859.238.278.468



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****4.1. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
Tổng giá trị cổ phiếu	3.109.618.355.352	(27.018.325.353)	3.082.600.029.999	174.754.839.646
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD	3.754.649.646	(754.649.646)	3.000.000.000	3.754.649.646
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	41.113.675.706	(26.263.675.707)	14.849.999.999	-
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	190.000	-	190.000	-
Công ty Cổ phần FLC Travel	1.795.149.840.000	-	1.795.149.840.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Nông sản FAM	1.269.600.000.000	-	1.269.600.000.000	-
Cộng	3.109.618.355.352	(27.018.325.353)	3.082.600.029.999	174.754.839.646

4.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Cổ tức, lợi nhuận được chia/Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc
a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	777.700.000.000	(2.879.505.494)	774.820.494.506	777.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Nhân lực Quốc tế FLC	47.000.000.000	(2.879.505.494)	44.120.494.506	47.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hàng không Sao Mai	730.700.000.000	-	730.700.000.000	730.700.000.000
b. Đầu tư vào các đơn vị khác	894.224.864.679	(193.533.714.679)	610.691.150.000	1.367.790.864.679
Công ty Cổ phần Cavico XD Thủy điện	2.200.000.000	(2.200.000.000)	-	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Tài sản FLC	12.400.000.000	-	12.400.000.000	12.400.000.000
Công ty Cổ phần Nông dược HAI	260.909.864.679	(191.333.714.679)	69.576.150.000	260.909.864.679
Cộng	1.671.924.864.679	(4.073.239.194)	1.385.487.644.506	1.671.924.864.679

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Công ty Cổ phần Xây dựng Faros	-	-	213.436.000.000	-	213.436.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHomes	195.000.000.000	-	195.000.000.000	-	195.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Sơn	144.000.000.000	-	144.000.000.000	-	210.000.000.000
Công ty Cổ phần FLC Travel	-	-	328.350.000.000	-	328.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Định	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ninh Dương	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Rosland	49.200.000.000	-	49.200.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Trà Cổ	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Từ thiện Xã hội FLC	40.000.000	-	40.000.000	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Lotte FLC	83.475.000.000	-	83.475.000.000	-	83.475.000.000
Cộng	1.581.924.864.679	(196.413.220.173)	1.385.511.644.506	2.145.490.864.679	1.943.908.999.536

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
5.1. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	527.697.684.000	889.672.013.730
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển An Thịnh Đạt	744.505.319.000	814.778.319.000
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	515.391.445.559	275.248.045.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ITH	175.238.400.000	587.152.500.000
Công ty TNHH KCN Toàn Cầu	434.880.761.960	441.450.297.960
Các đối tượng khác	1.850.673.202.043	1.976.049.703.112
Cộng	<u>4.248.386.812.562</u>	<u>4.984.350.878.802</u>
5.2. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Lotte FLC	83.475.000.000	83.475.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ITH	27.847.493.000	27.847.493.000
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	94.754.988.164	95.464.988.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Sơn	28.497.000.000	21.041.000.000
Cộng	<u>234.574.481.164</u>	<u>227.828.481.164</u>

Ghi chú:

Các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân của từng lần chuyển tiền, lãi suất các khoản cho vay là 9% / năm, mục đích vay là để cho bên đi vay thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1 Ngắn hạn				
Tạm ứng	45.455.497.808	-	30.176.393.506	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (***)	609.393.766.613	-	177.920.649.431	-
Phải thu ngắn hạn khác (*)	2.173.020.938.328	-	2.331.736.901.863	-
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	911.164.000.000	-	911.164.000.000	-
Cộng	<u>3.739.034.202.749</u>		<u>3.450.997.944.800</u>	
6.2. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ dài hạn (***)	1.352.142.865.510	-	1.120.445.431.765	-
Phải thu dài hạn khác (**)	413.374.697.916	-	405.731.807.869	-
Cộng	<u>1.765.517.563.426</u>		<u>1.526.177.239.634</u>	

Ghi chú:

(*) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Nhiêu	224.245.481.000	224.245.481.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Châu Me	257.227.174.000	257.227.174.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vạn Tường	181.483.618.000	219.483.618.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hải Bình	233.125.371.000	233.125.371.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản An Lộc	191.551.577.000	191.551.577.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Quốc tế Đại Phát	173.703.509.000	173.703.509.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Sơn	149.785.863.000	149.785.863.000
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Dự án New	532.095.890.411	532.095.890.411
Đối tượng khác	229.802.454.917	350.518.418.452
(**) Phải thu dài hạn khác bao gồm		
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV NH TMCP Công thương Việt Nam	4.620.114.354	1.455.770.883
Công ty Cổ phần Lotte FLC	8.754.583.562	4.176.036.986
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Định	400.000.000.000	400.000.000.000
Đối tượng khác	-	100.000.000

(*) Ký quỹ ký cược bao gồm :**

Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đặt cọc thuê và mua máy bay	892.952.789.794	687.393.892.619
Đặt cọc quỹ bảo dưỡng máy bay	913.401.093.627	403.509.826.436
Ký quỹ, đặt cọc khác	155.182.748.702	207.462.362.141

7 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	124.092.452.948	58.281.793.881	124.092.452.948	59.142.724.234
<i>Chi tiết:</i>				
Phải thu khách hàng	71.761.308.736	47.445.081.618	71.761.308.736	48.306.011.971
Phải thu khác	305.078.444	57.793.371	305.078.444	57.793.371
Trả trước cho người bán	52.026.065.768	10.778.918.892	52.026.065.768	10.778.918.892
Cộng	124.092.452.948	58.281.793.881	124.092.452.948	59.142.724.234

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**8 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.869.185.082	(148.924.404)	41.646.639.095	(148.924.404)
Công cụ, dụng cụ	111.705.643.558	-	133.694.120.024	(23.952.880)
Chi phí SXKD dở dang	8.916.898.163	-	8.703.388.557	-
Thành phẩm	55.183.622.519	-	505.692.108	(111.839.999)
Hàng hóa	481.573.386.233	(76.053.806)	502.178.746.520	(144.116.008)
Hàng hóa bất động sản	2.809.228.388.604	-	895.402.349.836	-
Hàng hóa gửi bán	144.116.008	(120.163.128)		-
Cộng	3.488.621.240.167	(345.141.338)	1.582.130.936.140	(428.833.291)

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng
- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không.

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Mua sắm TSCĐ	829.078.622	17.241.376.565
Mua sắm TSCĐ	829.078.622	17.241.376.565
Xây dựng cơ bản dở dang	3.628.370.518.081	5.428.467.366.110
Dự án Hạ Long	137.100.750.810	753.433.603.655
Dự án Quảng Bình	884.555.480.777	873.982.374.148
Dự án Sầm Sơn - Giai đoạn 2	80.398.022.791	926.968.374.784
Dự án Bình Định - Giai đoạn 2	551.108.786	470.193.051.562
Dự án khu đô thị Garden City Đại Mỗ	399.999.008.550	391.448.339.820
Dự án FLC Premier Park	860.365.431.000	860.285.155.400
Dự án Tân Phú Đông, Sa Đéc, Đồng Tháp	287.228.211.471	235.317.088.567
Các dự án khác	978.172.503.896	916.839.378.174
Chi phí sửa chữa lớn	834.254.957	1.281.200.430
Cộng	3.630.033.851.660	5.446.989.943.105



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.153.383.734.916	214.761.086.939	243.483.249.809	13.174.817.299	12.952.046.717	3.637.754.935.680
Số tăng trong kỳ	5.417.303.737	4.773.038.400	561.118.855	895.745.346	1.400.183.114	13.047.389.452
- Mua trong kỳ	5.417.303.737	4.773.038.400	-	895.745.346	1.400.183.114	12.486.270.597
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	561.118.855	-	-	561.118.855
- Tăng khác (hợp nhất, phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	1.024.415.090	-	-	1.024.415.090
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.024.415.090	-	-	1.024.415.090
- Giảm khác (phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.158.801.038.653	219.534.125.339	243.019.953.574	14.070.562.645	14.352.229.831	3.649.777.910.042
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	685.616.917.458	71.663.272.146	71.931.767.551	6.758.403.855	7.674.001.512	843.644.362.522
Số tăng trong kỳ	25.209.957.047	13.580.968.897	9.002.967.202	1.350.644.103	634.787.485	49.779.324.734
- Khấu hao trong kỳ	25.209.957.047	13.580.968.897	9.002.967.202	1.350.644.103	634.787.485	49.779.324.734
- Tăng khác (phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	1.024.415.090	-	-	1.024.415.090
- Chuyển sang BĐS đầu tư, hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.024.415.090	-	-	1.024.415.090
- Giảm khác (phân loại lại)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	710.826.874.505	85.244.241.043	79.910.319.663	8.109.047.958	8.308.788.997	892.399.272.166
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	2.467.766.817.458	143.097.814.793	171.551.482.258	6.416.413.444	5.278.045.205	2.794.110.573.158
Tại ngày cuối kỳ	2.447.974.164.148	134.289.884.296	163.109.633.911	5.961.514.687	6.043.440.834	2.757.378.637.876

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý

2.447.974.164.148 đồng
36.703.518.762 đồng
- đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**11 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ thuê tài chính khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	59.263.518.519	68.413.346.169	-	127.676.864.688
Số tăng trong kỳ	-	-	362.647.273	-	362.647.273
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	362.647.273	-	362.647.273
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	59.263.518.519	68.775.993.442	-	128.039.511.961
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	18.484.840.389	22.869.903.771	-	41.354.744.160
Số tăng trong kỳ	-	2.140.843.428	4.589.258.940	-	6.730.102.368
- Khấu hao trong kỳ	-	2.140.843.428	4.589.258.940	-	6.730.102.368
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	20.625.683.817	27.459.162.711	-	48.084.846.528
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	40.778.678.130	45.543.442.398	-	86.322.120.528
Tại ngày cuối kỳ	-	38.637.834.702	41.316.830.731	-	79.954.665.433

Ghi chú:

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: Không có.
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Không có.
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

12 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Giấy phép và Giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	212.712.000	-	-	-	-	23.309.900.355	23.522.612.355
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	15.714.543.005	15.714.543.005
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	15.714.543.005	15.714.543.005
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	212.712.000	-	-	-	-	39.024.443.360	39.237.155.360
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	6.817.289.424	6.817.289.424
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.625.606.735	4.625.606.735
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-	4.607.700.485	4.607.700.485
- Tăng khác	-	-	-	-	-	17.906.250	17.906.250
Số giảm trong năm							
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	11.442.896.159	11.442.896.159
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	212.712.000	-	-	-	-	16.492.610.931	16.705.322.931
Tại ngày cuối kỳ	212.712.000	-	-	-	-	27.581.547.201	27.794.259.201

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang đề thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

2.500.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**13 TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	4.073.823.389.362	-	-	4.073.823.389.362
- Quyền sử dụng đất	25.497.225.436	-	-	25.497.225.436
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.048.326.163.926	-	-	4.048.326.163.926
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	2.720.349.247.320	23.714.816.563	-	2.744.064.063.883
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	2.720.349.247.320	23.714.816.563	-	2.744.064.063.883
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	1.353.474.142.042	23.714.816.563	-	1.329.759.325.479
- Quyền sử dụng đất	25.497.225.436	-	-	25.497.225.436
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.327.976.916.606	23.714.816.563	-	1.304.262.100.043
Ghi chú:				
- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:				1.329.759.325.479
- Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá:				-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.1. Ngắn hạn		
- Thuê tài sản	190.054.780.420	216.180.891.824
- Chi phí bảo hiểm hàng không	48.138.946.041	22.894.918.049
- Chi phí môi giới bán hàng cho các dự án đang thực hiện	174.015.515.228	371.801.950.813
- Chi phí khác	484.366.619.086	339.432.753.477
Cộng	896.575.860.775	950.310.514.163
14.2. Dài hạn		
- Lãi vay chờ phân bổ	30.600.167.521	17.727.109.125
- Thuê hoạt động	67.066.363.636	74.919.017.205
- Chi phí trả trước dịch vụ cho thuê căn hộ	241.346.513.576	320.373.381.020
- Chi phí vận hành thử	202.816.484.812	190.663.761.648
- Chi phí khác	505.321.038.170	307.687.710.016
Cộng	1.047.150.567.715	911.370.979.014

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Kỳ này	Kỳ trước
Tại ngày đầu kỳ	103.784.863.158	125.105.572.936
Số tăng trong kỳ	-	-
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-
Phân bổ trong kỳ	(10.660.354.890)	(10.660.354.890)
Tại ngày cuối kỳ	93.124.508.268	114.445.218.046
Trong đó: Lợi thế thương mại chưa phân bổ phát sinh khi mua các công ty con:		
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội</i>	<i>92.262.196.615</i>	<i>113.151.750.566</i>
<i>Công ty TNHH MTV FLC Land</i>	<i>862.311.653</i>	<i>1.293.467.480</i>
Cộng	93.124.508.268	114.445.218.046

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
16.1 Ngắn hạn	4.024.790.604.566	4.024.790.604.566	2.561.474.739.234	2.561.474.739.234
Công ty Cổ phần Pacific Wood	21.327.228.967	21.327.228.967	64.327.228.967	64.327.228.967
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt	23.189.605.601	23.189.605.601	82.720.801.848	82.720.801.848
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	107.452.598.597	107.452.598.597	81.773.818.201	81.773.818.201
Các đối tượng khác	3.872.821.171.401	3.872.821.171.401	2.332.652.890.218	2.332.652.890.218
16.2. Phải trả người bán là các bên liên quan	326.863.880.740	326.863.880.740	58.812.631.788	58.812.631.788
Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros	1.800.786.538	1.800.786.538	12.097.104.403	12.097.104.403
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLC Homes	325.063.094.202	325.063.094.202	46.715.527.385	46.715.527.385
Cộng	4.351.654.485.306	4.351.654.485.306	2.620.287.371.022	2.620.287.371.022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
17.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	58.269.472.555	195.499.978.515	230.582.296.236	23.187.154.834
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.980.506	35.035.738	32.115.189	17.901.055
Thuế xuất, nhập khẩu	326.082	209.425.957	209.752.039	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.202.220.214	3.881.364.861	4.816.820.974	100.266.764.101
Thuế thu nhập cá nhân	82.735.166.685	127.488.841.656	7.246.262.229	202.977.746.112
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	170.674.260.778	71.496.154.416	185.196.154.416	56.974.260.778
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.559.633.669	48.220.344.958	2.160.609.272	50.619.369.355
Cộng	417.456.060.489	446.831.146.101	430.244.010.355	434.043.196.235
17.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế xuất nhập khẩu	9.898.369	2.206.165.120	2.206.165.120	9.898.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.852.942	-	-	25.852.942
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.325.674	33.572.409	12.246.735

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	3.842.838.475	413.120.214	352.292.531	3.782.010.792
Cộng	3.878.589.786	2.640.611.008	2.592.030.060	3.830.008.838

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	65.814.303.982	40.549.624.612
Trích trước Chi phí dự án (*)	1.030.332.046.460	1.151.655.645.019
Chi phí phải trả khác	862.539.570.097	239.001.623.190
Cộng	1.958.685.920.539	1.431.206.892.821
Ghi chú: (*)		
Trích trước chi phí Dự án 265 Cầu Giấy	93.546.799.375	119.259.885.283
Trích trước chi phí Dự án Bình Định	169.906.444.350	169.906.444.350
Trích trước chi phí Dự án xử lý sạt lở bờ biển Sầm Sơn	61.282.992.909	61.282.992.909
Trích trước chi phí Dự án Học viện Golf	7.909.727.712	8.079.074.691
Trích trước chi phí Dự án FLC Sầm Sơn	69.190.872.104	66.300.566.755
Trích trước chi phí Dự án FLC Hạ Long	386.750.121.590	406.348.529.067
Trích trước chi phí xây dựng dự án Star Tower	-	27.275.764.114
Trích trước chi phí xây dựng dự án Khu đô thị Đại Mỗ	-	292.405.949.494
Trích trước chi phí Dự án Ecohouse Sài Đồng Long Biên	240.948.650.064	-
Trích trước chi phí các dự án khác	796.438.356	796.438.356
Cộng	1.030.332.046.460	1.151.655.645.019

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
19.1. Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	317.651.508	2.543.728.563
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	442.650.271.617	600.913.334.695
Cộng	442.967.923.125	603.457.063.258
19.2. Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	64.594.552.473	65.411.871.300
Cộng	64.594.552.473	65.411.871.300

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
--	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

20.1. Ngắn hạn

<i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i>	30.093.029.634	109.238.057.565
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLC Homes	30.093.029.634	109.238.057.565
<i>Phải trả khác cho bên thứ ba</i>	3.285.179.663.920	2.629.387.654.233
Phải trả hợp đồng hợp tác	1.037.664.674.260	83.094.174.260
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.247.514.989.660	2.546.293.479.973
Cộng	<u>3.315.272.693.554</u>	<u>2.738.625.711.798</u>
20.2. Dài hạn		
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	2.000.000.000	1.678.200.829
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.948.279.492.479	1.588.358.122.953
Cộng	<u>1.950.279.492.479</u>	<u>1.590.036.323.782</u>

TY
HỮU
HẠN
TP. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**21.1. Ngắn hạn****a. Vay và nợ thuế tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.816.396.877.361	2.816.396.877.361	2.650.233.922.606	2.650.233.922.606
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Quảng Ninh	-	-	37.930.679.234	37.930.679.234
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Bình Định	-	-	47.048.000.000	47.048.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Thanh Hóa	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (1)	909.606.751.572	909.606.751.572	698.300.554.731	698.300.554.731
Ngân hàng Công Thương Trung Quốc	-	-	107.200.000.000	107.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (2)	384.582.896.521	384.582.896.521	332.945.455.223	332.945.455.223
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Sài Gòn (3)	159.850.769.518	159.850.769.518	89.881.154.174	89.881.154.174
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Quảng Ninh (4)	12.033.105.127	12.033.105.127	3.481.459.933	3.481.459.933
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	71.471.600.988	71.471.600.988
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	210.000.000	210.000.000	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quy Nhơn (5)	599.733.339.159	599.733.339.159	593.421.899.709	593.421.899.709
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình (6)	208.421.430.480	208.421.430.480	198.368.883.869	198.368.883.869
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Quảng Ninh (7)	25.635.734.503	25.635.734.503	39.718.720.720	39.718.720.720
Ngân hàng Woori Bank - CN Hà Nội (8)	41.386.179.816	41.386.179.816	45.000.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc (CCB)	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (VRB) (9)	96.404.929.732	96.404.929.732	96.151.128.361	96.151.128.361

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa (10)	198.737.284.995	198.737.284.995	34.994.456.690	34.994.456.690
Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (11)	99.937.024.889	99.937.024.889	99.427.488.523	99.427.488.523
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (12)	79.857.431.049	79.857.431.049	79.892.440.451	79.892.440.451
Nợ dài hạn đến hạn trả	452.208.499.097	452.208.499.097	444.368.690.535	444.368.690.535
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	111.383.489.788	111.383.489.788
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sơn (5)	41.512.450.000	41.512.450.000	100.820.000.000	100.820.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội (14)	2.705.874.576	2.705.874.576	1.505.325.033	1.505.325.033
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (2)	330.000.000	330.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (15)	38.139.841.000	38.139.841.000	12.528.090.000	12.528.090.000
Credit Suisse AG, Singapore Branch (19)	304.199.999.527	304.199.999.527	199.114.285.714	199.114.285.714
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (20)	65.320.333.994	65.320.333.994	18.140.000.000	18.140.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Bình Định	-	-	697.500.000	697.500.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả (21)	298.156.250.000	298.156.250.000	75.000.000.000	75.000.000.000
Cộng	3.566.761.626.458	3.566.761.626.458	3.169.602.613.141	3.169.602.613.141

21.2. Dài hạn**a. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	312.999.805.870	312.999.805.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN DB Sông Cửu Long (13)	180.886.518.753	180.886.518.753	150.000.000.000	150.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (1)	-	141.771.629.000	141.771.629.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Sơn (5)	1.456.330.227.549	1.418.947.677.549	1.418.947.677.549
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (14)	4.168.761.867	6.674.580.228	6.674.580.228
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Hà Nội	-	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (15)	13.647.290.400	47.689.013.400	47.689.013.400
Credit Suisse AG, Singapore Branch	-	298.671.428.572	298.671.428.572
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Phát triển Thịnh Phát (16)	30.500.000.000	30.500.000.000	30.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Nội (17)	1.247.749.991	1.408.749.995	1.408.749.995
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Bình Định	-	348.750.000	348.750.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	89.499.502.337	89.499.502.337	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Agribank - CN Đông Giá Lai (18)	82.853.733.724	82.853.733.724	-
Trái phiếu phát hành (21)	672.829.260.019	884.634.085.777	884.634.085.777
Cộng	2.531.963.044.640	2.531.963.044.640	3.293.915.720.391

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**a. Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2019 như sau:**

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo khoản vay
(1) Số 0026/2019/HĐTD-OCB-IN ngày 17/06/2019	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Sàn thương phẩm kinh doanh hình thành trong tương lai của 03 tầng hầm, 6 tầng trung tâm thương mại (từ tầng 1 đến 6), Khu tháp văn phòng (từ tầng 17-21 và 21-38 Dự án 265 Cầu Giấy
(1) Hợp đồng tín dụng số 0058/2018/HĐTDOCB-DN ngày 13/11/2018	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại lô B30-BT6 + B32-BT6 + B12-BT6 + B10-BT6 KĐT Mỹ Đình 2, P.Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.
(1) Hợp đồng cho vay số 0144/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 17/06/2019	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Sàn thương phẩm kinh doanh hình thành trong tương lai của 3 tầng hầm, 6 tầng trung tâm thương mại, Khu tháp văn phòng của dự án 265 Cầu Giấy - Hà Nội
(1) Hợp đồng tín dụng số 0231/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 27/06/2019	Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Hợp đồng cầm cố số 0233/2019/BD ngày 27/06/2019; số 0357/2019/BD ngày 10/09/2019; hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất ngày 12/08/2019 và ngày 12/07/2019
(2) Hợp đồng số 046/19/HĐHM-9213 ngày 05/07/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Cổ phiếu của cá nhân - HD cầm cố chứng khoán niêm yết số 002/18/HĐCC-9213-TD FLC
(2) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 045/19/HĐHM-9213 ngày 27/06/2019, hạn mức vay 300 tỷ đồng	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Cổ phiếu ROS
(2) Số 010/16/HĐCV/104-80 ngày 18/03/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội	60 tháng	lãi suất tham chiếu + biên độ 3%/năm	Xe ô tô
(3) Hợp đồng tín dụng số 3317/19/HĐHM-9203 ngày 16/12/2019; phụ lục số 01/PLHD/3317/19/HĐHM-9-03 ngày 16/12/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Sài Gòn	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3339/2019/HĐTC-9203 ngày 16/12/2019
(4) Hợp đồng số 041/19/HĐHM-9221- ngày 04/06/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Quảng Ninh	12 tháng	Quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	35% cổ phiếu ROS (giấy chứng nhận có phân) - HD cầm cố chứng khoán niêm yết số 001/17/HĐCC-9213-TD FLC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2019/9853400/HĐBĐ ngày 19/03/2019; số 02/2019/9853400/HĐBĐ ngày 17/04/2019; số 03/2019/9853400/HĐBĐ ngày 27/09/2019; số 04/2019/9853400/HĐBĐ ngày 26/10/2019

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quy Nhơn

(5) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/9853400/HĐTD ngày 18/3/2019; VB sửa đổi số 01.1/2019/9853400/HĐTD ngày 25/9/2019

Tài sản hình thành từ vốn vay Dự án Quần thể Golf & Resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý

Lãi suất tham chiếu + biên độ 4%/năm

192 tháng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quy Nhơn

(5) Số 01/2015/3239064/HĐTD ngày 11/11/2015

Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 3893.19.086.4361106.BĐ ngày 31/01/2019; số 18747.19.086.4361106.BĐ ngày 12/06/2019; số 22297.19.086.4361106.BĐ ngày 17/06/2019; số 40897.19.086.4361106.BĐ ngày 11/10/2019; số 52568.19.086.4361106.BĐ ngày 04/12/2019;

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình

(6) Hợp đồng tín dụng số 1795.19.086.4361106.TD ngày 16/01/2019

Bất động sản theo HĐ thế chấp số 26885.19.601.536320.BĐ ký ngày 01/08/2019 và 2.500.000 cổ phiếu ROS - HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 27006.19.601.536320.BĐ ký ngày 31/07/2019

Qui định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Ninh

(7) Hợp đồng tín dụng số 2687.19.601.536320.TD ngày 31/07/2019

Được bảo lãnh bởi bên thứ 3 là Công ty CP Tập đoàn FLC

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Hà Nội

(8) Hợp đồng tín dụng số VN119000845 ngày 03/04/2019

Hợp đồng cầm cố số 02/2019/HĐCC/VRB-BAV ngày 15/07/2019; Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/HĐTC/VRB-BAV ngày 13/05/2019 và số 02/HĐTC/VRB-BAV ngày 12/08/2019

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (VRB)

(9) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐTDHM/VRB-BAV ngày 10/05/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội
 (10) Số 32/2019/HĐCVHM/NHCT126- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đống Đa
 FLC ngày 06/11/2019

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

12 tháng

Quyền sử dụng đất của một số Bất động sản tại Khu đô thị DLST FLC, phường Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(11) Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-2019 Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam

12 tháng

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 100708 do Sở Tài nguyên và MT tỉnh Thanh Hóa cấp 27/05/2019

(12) Hợp đồng tín dụng số 106.1491/2019/HĐTDHM-DN/PGBHN ngày 25/10/2019

12 tháng

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Được bảo lãnh bởi bên thứ 3 là Công ty CP Tập đoàn FLC

(13) Số 001/2019/3239064/HĐTD ngày 26/11/2019

36 tháng

Qui định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay của dự án Khu đô thị FLC La Vista Sa Đéc

(14) Số 203.02.03/HĐTD/TPBANK-THN ngày 04/04/2017 và Số 170/2017/HĐTD/TPBANK-THN

60 tháng

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Xe ô tô

(15) Hợp đồng thuê tài chính số 001/2019/HĐTD/TPBANK-THN

60 tháng

Qui định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Xe ô tô

(16) Hợp đồng 01/2018/HĐHTKD ngày 01/04/2018

24 tháng

Qui định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Không có tài sản đảm bảo

(17) Hợp đồng 01-0807/2019/HĐTDTH-DN và 3101/2019/HĐTDTH-DN

60 tháng

Qui định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Xe ô tô

(18) Hợp đồng 128/2020/HĐTD ngày 11/03/2020

36 tháng

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Tài sản hình thành từ vốn vay giai đoạn 1 Dự án FLC Hilltop Gia Lai

(19) Hợp đồng cho vay ngày 04/06/2018

30 tháng

lãi suất thả nổi với biên lãi suất là 5% so với Libor

Cổ phần của các công ty con: FLC Land, ION Complex, Star Hà Nội, Alaska, FLC Quy Nhơn

(20) Hợp đồng tín dụng số 0287/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 01/08/2019 và 0395/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 05/10/2019

36 tháng

Quy định cụ thể theo từng khe ước nhận nợ

Đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3

Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

(21) Trái phiếu phát hành SHB

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

36 tháng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Quyền sử dụng đất Dự án Quần thể trung tâm hội nghị, khu dịch vụ, khu du lịch nghỉ dưỡng và biệt thự nghỉ dưỡng tại khu vực cột 3 đến cột 8 TP Hạ Long - Theo HĐ thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 25/09/2018

Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm

(21) Trái phiếu phát hành OCB

Ngân hàng TMCP OCB

36 tháng

Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm ký ngày 20/12/2018

Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm

(21) Trái phiếu phát hành MBS

Công ty Cổ phần chứng khoán MB

24 tháng

Quyền sử dụng đất Dự án FLC Sầm Sơn giai đoạn 2 - Theo HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 862,863 ký ngày 26/04/2019

Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu (+) biên độ 4,0%/năm

b. Trái phiếu thường

Loại phát hành theo mệnh giá

Trái phiếu phát hành SHB (21)

Giá trị	Số cuối kỳ	Lãi suất	Kỳ hạn	Số đầu năm	
				Giá trị	Lãi suất
382.231.101.011	Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm	36 tháng		400.000.000.000	Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội
Trái phiếu phát hành OCB (21)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

290.598.159.008	36 tháng	300.000.000.000
Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm		Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu cộng (+) biên độ 3,5%/năm
298.156.250.000	24 tháng	300.000.000.000
Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất, được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu (+) biên độ 4,0%/năm		-
Trái phiếu phát hành MBS (21)		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 26[±] Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	7.099.978.070.000	288.244.783.273	118.623.112	1.541.915.113.897	88.431.601.660	9.018.688.191.942
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	1.939.631.250.000	1.939.631.250.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	301.551.401.322	394.374.717.404	695.926.118.726
- Tăng khác	-	47.003.177.251	-	-	-	47.003.177.251
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (Phân phối lợi nhuận)	-	-	-	(56.403.812.701)	-	(56.403.812.701)
Số dư cuối năm trước	7.099.978.070.000	335.247.960.524	118.623.112	1.787.062.702.518	2.422.437.569.064	11.644.844.925.218
Số dư đầu năm nay	7.099.978.070.000	335.247.960.524	118.623.112	1.787.062.702.518	2.422.437.569.064	11.644.844.925.218
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	1.466.086.400.000	1.466.086.400.000
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(1.582.114.150.965)	(1.208.029.991.732)	(2.790.144.142.697)
- Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (Phân phối lợi nhuận)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	7.099.978.070.000	335.247.960.524	118.623.112	204.948.551.553	2.680.493.977.332	10.320.787.182.521



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	7.099.978.070.000	7.099.978.070.000
Cộng	7.099.978.070.000	7.099.978.070.000

22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	7.099.978.070.000	7.099.978.070.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	7.099.978.070.000	7.099.978.070.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

22.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	709.997.807	709.997.807
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	709.997.807	709.997.807
+ Cổ phiếu phổ thông	709.997.807	709.997.807
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	709.997.807	709.997.807
+ Cổ phiếu phổ thông	709.997.807	709.997.807
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

22.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

22.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	335.247.960.524	335.247.960.524
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	118.623.112	118.623.112

124

NG
HIỂN
TC
Ế TU
IÀ I
MA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: đồng

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	3.797.266.856.331	2.913.515.008.517
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	770.789.840.090	1.584.127.165.052
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.921.642.307.068	1.782.635.497.318
- Doanh thu khác	392.697.411	-
Cộng	6.490.091.700.900	6.280.277.670.887

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại	135.477.453	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	59.570.018.841
Cộng	135.477.453	59.570.018.841

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.781.962.785.379	2.744.228.942.113
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	548.795.108.939	1.281.350.411.826
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.403.487.299.214	2.226.348.514.767
- Giá vốn của hoạt động khác	5.160.290.489	-
Cộng	8.739.405.484.021	6.251.927.868.706

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	345.826.594.956	275.729.110.475
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	87.176.795.346
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.958.498.320	2.987.373.540
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.115.359.943	888.411.816
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	104.740.911.714	760.787.222.382
Cộng	453.641.364.933	1.127.568.913.559

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay	253.563.719.814	259.732.092.145
- Chiết khấu thanh toán, bán hàng chậm trả	-	296.526.390
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.849.392.638	3.407.793.165
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.276.880.140	3.756.700.000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	36.900.018.857	15.425.179.734
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(16.068.193.150)	-
- Chi phí tài chính khác	214.236.412.975	17.179.298.866
Cộng	514.758.231.274	299.797.590.300

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**6 . THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.527.947.036	776.548.678
- Tiền phạt thu được	1.493.633.662	4.490.739.831
- Hỗ trợ quảng cáo sản phẩm, hỗ trợ khuyến mãi, chiết khấu	-	48.000.000
- Tiền cọc mua cổ phần	-	48.000.000.000
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ	-	1.320.000
- Các khoản khác	5.341.239.024	3.487.808.561
Cộng	8.362.819.722	56.804.417.070

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý TSCĐ, CCDC	24.032.635	-
- Các khoản tiền nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	1.449.506.290	33.275.525.254
- Điều chỉnh nợ phải trả theo xác nhận nợ	-	1.136.518.625
- Các khoản khác	7.450.169.567	8.781.260.252
Cộng	8.923.708.492	43.193.304.131

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	191.717.094
- Chi phí công cụ, dụng cụ	85.280.017	744.490.102
- Chi phí nhân công	19.477.814.911	40.112.509.497
- Chi phí khấu hao	940.250.508	453.931.671
- Thuế, phí, lệ phí	-	-
- Các khoản chi phí bán hàng khác	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.210.638.443	147.497.609.822
- Chi phí khác bằng tiền	34.650.393.263	98.341.737.935
Cộng	178.364.377.142	287.341.996.121

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	-	241.909.554
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2.652.032.369	1.823.817.318
- Chi phí nhân công	114.949.862.628	122.901.243.277
- Chi phí khấu hao	9.385.159.421	7.577.270.340
- Thuế, phí, lệ phí	17.315.916.201	32.359.208.350
- Lợi thế thương mại	10.660.354.890	10.660.354.890
- Chi phí dự phòng	889.486.011	1.743.832.789
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.373.886.993	137.462.189.179
- Chi phí khác bằng tiền	43.321.481.466	39.760.237.439
Cộng	297.548.179.979	354.530.063.136

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLCĐịa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà NộiBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.330.757.894.318	4.011.261.145.348
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2.737.312.386	2.568.307.420
- Chi phí nhân công	134.427.677.539	163.013.752.774
- Chi phí khấu hao TSCĐ	84.831.944.150	40.007.913.889
- Thuế, phí, lệ phí	17.315.916.201	32.359.208.350
- Lợi thế thương mại	10.660.354.890	10.660.354.890
- Chi phí dự phòng	889.486.011	1.743.832.789
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.584.525.436	284.959.799.001
- Chi phí bằng tiền khác	4.409.237.689.849	2.379.584.821.852
Cộng	9.212.442.800.780	6.926.159.136.313
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	3.881.364.861	142.356.910.333
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế	-	-
Cộng	3.881.364.861	142.356.910.333
11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI		
	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm	-	2.231.007.147
Cộng	-	2.231.007.147
12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(1.582.114.150.965)	41.355.052.644
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(1.582.114.150.965)	41.355.052.644
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	709.997.807	682.697.361
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.228)	61
13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(1.582.114.150.965)	41.355.052.644
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	299.619.074
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	709.997.807	682.697.361
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.228)	42

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong 06 tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC không phát sinh các giao dịch bằng không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265
Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong 06 tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.821.382.131.017
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	3.010.388.262.040
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thông tin về các bên liên quan****1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:**Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
+ Tiền lương, thưởng	6.962.637.918	8.397.435.281
+ Thù lao	350.000.000	297.000.000

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLC Homes

Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros

Mối quan hệ

Công ty cùng lãnh đạo

Công ty có Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ Công ty có các giao dịch nội bộ như sau:

Đối tượng

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLC Homes

Giao dịch

Cho thuê tài sản

Bán hàng hóa dịch vụ

Mua hàng hóa dịch vụ

Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

Mua hàng hóa, dịch vụ

Giá trị giao dịch (đồng)

149.100.000

54.000.000

284.632.566.817

170.711.300.000

116.510.706.558

Số dư với bên liên quan tại ngày 30/06/2020 như sau:

Đối tượng

Công ty Cổ phần Xây dựng FLC Faros

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Bất động sản FLC Homes

Nội dung

Phải thu khách hàng

Trả trước người bán

Phải trả người bán

Phải thu khách hàng

Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả khác

Giá trị

11.745.346.386

570.232.024.834

1.800.786.538

14.766.042.246

325.063.094.202

30.093.029.634

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

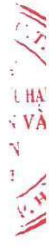
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**2. Báo cáo bộ phận****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty xác định bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020	Bất động sản	Hàng hóa	Dịch vụ	Hoạt động tài chính	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	770.654.362.637	3.797.266.856.331	1.921.642.307.068	453.641.364.933	8.755.517.133	6.951.960.408.102
Chi phí trực tiếp	(548.735.108.939)	(3.781.962.785.379)	(4.403.487.299.214)	-	-	(8.734.245.193.532)
Các chi phí phân bổ	-	-	-	(514.758.231.274)	(14.083.998.981)	(528.842.230.255)
Chi phí không phân bổ - Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	(178.364.377.142)
Chi phí không phân bổ - Chi phí sản xuất	-	-	-	-	-	(297.548.179.979)
Lãi trong Công ty liên kết	-	-	-	-	-	776.794.970
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	(2.786.262.777.836)
Chi phí thuế TNDN không phân bổ	-	-	-	-	-	3.881.364.861
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(2.790.144.142.697)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FLC

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà Bamboo Airways, Số 265 Cầu Giấy, P.
Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phương Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Ba

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Bùi Hải Huyền

